

DIỆN MẠO CỘNG ĐỒNG NGƯ DÂN SÔNG ĐỐC

Dương Hoàng Lộc¹

THE APPEARANCE OF FISHING COMMUNITY IN SONG DOC

Duong Hoang Loc¹

Tóm tắt – Cộng đồng ngư dân vùng ven biển Nam Bộ là đối tượng nghiên cứu của các nhà khoa học trong thời gian qua. Các nghiên cứu này giúp chúng ta hiểu hơn về những đóng góp của ngư dân Tây Nam Bộ đối với sự phát triển kinh tế – xã hội vùng ven biển nơi đây cũng như diện mạo, đặc trưng của họ. Cho nên, việc nghiên cứu, giới thiệu các cộng đồng ngư dân này là cần thiết, mang cả ý nghĩa khoa học lẫn thực tiễn. Bài viết này tập trung miêu tả diện mạo cộng đồng ngư dân Sông Đốc (huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau) để góp phần tìm hiểu các cộng đồng ngư dân ven biển Nam Bộ hiện nay. Thực hiện bài viết này, chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, theo hai hướng tiếp cận điền dã dân tộc học cũng như phỏng vấn sâu để thu thập dữ liệu. Ngoài ra, quan điểm tiếp cận cộng đồng là quan điểm chính của bài viết. Quan điểm này giúp chúng tôi đánh giá một cách khách quan về hiện trạng, hướng phát triển của cộng đồng này.

Từ khóa: cộng đồng ngư dân, ngư dân ven biển, Sông Đốc, Tây Nam Bộ.

Abstract – In recent years, coastal fishing communities have increasingly become of interest due to the impacts that they have on the regions and communities they oc-

cupy and influence. To gain a better understanding of the contributions of fishermen to the socio-economic development of coastal areas, as well as the communities' characteristics, these fishing communities are necessary to investigate. This article focuses on the model of Song Doc fishing community (Tran Van Thoi district, Ca Mau province) to study the southern coastal fishing communities in Vietnam. Qualitative research methods were used, following two approaches to ethnographic fieldwork, as well as in-depth interviews to collect data. In addition, the perspective of community approaching was applied in conducting the research. This perspective is to help the researcher assesses the current situation, and shows the direction of development for this community and others.

Keywords: fishing community, coastal fishermen, Song Doc, South Western Vietnam.

I. MỞ ĐẦU

Vùng ven biển Tây Nam Bộ trải dài qua bảy tỉnh giáp biển gồm Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và Kiên Giang. Các tỉnh này tiếp giáp với biển Đông. Vùng biển Tây Nam có chiều dài bờ biển là 732 km [1, tr. 2]. Ngoài khơi vùng biển Tây Nam Bộ hình thành nhiều cụm đảo, quần đảo: Hòn Đá Bạc, Hòn Khoai, Hòn Chuối, quần đảo Nam Du, quần đảo Bà Lụa, quần đảo Hải Tặc, quần đảo An Thới, quần đảo Thổ Chu. Vì thế, nhiều cộng đồng ngư dân đánh bắt ven biển đã hình thành và khai thác nguồn lợi thủy hải sản góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế biển nước ta hiện nay. Nói đến cộng đồng ngư dân ven

¹Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM

Ngày nhận bài: 10/4/2019; Ngày nhận kết quả bình duyệt: 08/5/2019; Ngày chấp nhận đăng: 28/8/2019

Email: locphuongss@yahoo.com.vn

¹University of Social Sciences and Humanities – Vietnam National University Ho Chi Minh City (VNUHCM)

Received date: 10th April 2019 ; Revised date: 08th May 2019; Accepted date: 28th August 2019

biển Tây Nam Bộ, chúng ta không thể không nhắc đến thị trấn Sông Đốc (huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau), một địa phương đã phát triển hoạt động đánh bắt xa bờ hơn 30 năm qua; đồng thời, đây chính là nơi quy tụ nhiều ghe tàu đánh bắt từ các tỉnh, thành đến lưu trú, ra khơi khai thác nguồn lợi hải sản trên vùng biển Tây Nam. Cho nên, việc giới thiệu diện mạo cộng đồng ngư dân thị trấn Sông Đốc là cần thiết, giúp hiểu hơn về bức tranh các cộng đồng ngư dân đánh bắt hiện nay ở Tây Nam Bộ.

II. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Ở Việt Nam, các nghiên cứu về cộng đồng ngư dân khá phong phú, bao gồm nhiều tỉnh, thành giáp biển từ miền Bắc, miền Trung đến miền Nam. Cho nên, đây là hệ thống tư liệu mang giá trị khoa học cả về phương diện lí luận lẫn thực tiễn. Cộng đồng ngư dân ở Việt Nam của Nguyễn Duy Thiệu [2] đã giới thiệu một cách tổng thể về quá trình hình thành, phát triển các nhóm ngư dân ở nước ta và đối tượng được đề cập là các cộng đồng ngư dân chuyên nghiệp, tức là những người lấy hoạt động ngư nghiệp làm nguồn sống duy nhất hoặc chủ yếu cho gia đình mình. Đặc biệt, công trình đã đề cập đến tổ chức xã hội nghề nghiệp, văn hóa vật chất và tinh thần của cộng đồng ngư dân cũng được phân tích rõ qua một số cộng đồng cụ thể. Môi trường, sinh kế, tổ chức xã hội, nghề nghiệp là những nội dung quan trọng được tác giả triển khai xuyên suốt trong công trình. Tiếp đó, Cộng đồng ngư dân Việt ở Nam Bộ – Trần Hồng Liên (chủ biên) [3] là một nghiên cứu có ý nghĩa thực tiễn. Đây là một nghiên cứu dân tộc học theo hướng tiếp cận nghiên cứu trường hợp hai cộng đồng ngư dân Phước Tỉnh (huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu) và Vàm Láng (huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang). Những phương diện của cộng đồng đã được nhóm nghiên cứu phân tích khá rõ như quá trình hình thành và phát triển, đời sống kinh tế và xã hội, sinh hoạt văn hóa của ngư dân bản địa. Nghiên cứu cũng làm rõ mối quan hệ giữa môi trường tự nhiên vùng ven biển với nhiều lĩnh vực trong đời sống

xã hội, văn hóa của ngư dân địa phương. Bên cạnh đó, quyển sách *Đời sống xã hội – kinh tế văn hóa của ngư dân và cư dân ven biển Nam Bộ của Phan Thị Yến Tuyết* [4] là một công trình có giá trị khoa học lẫn thực tiễn trong nghiên cứu cộng đồng ngư dân, cư dân ven biển Nam Bộ dưới góc nhìn nhân học biển (Maritime Anthropology). Vì vậy, những hướng tiếp cận nhân học biển hiện nay trên thế giới được người viết trình bày khá chi tiết. Đồng thời, tác giả đã cung cấp cho người đọc một cái nhìn khá toàn diện về môi trường tự nhiên cũng như diện mạo, đặc điểm chính về kinh tế, xã hội và văn hóa của các cộng đồng ngư dân và cư dân sinh sống ở vùng ven biển, hải đảo của chín tỉnh, thành Nam Bộ. Những đúc kết về đời sống kinh tế – xã hội – văn hóa của các cộng đồng ngư dân và cư dân Nam Bộ trong quyển sách rất có ý nghĩa tham khảo. Đó là sự sáng tạo và đương đầu trong việc ra khơi đánh bắt, dấn thân với nhiều rủi ro để bám biển, đem lại sự phát triển kinh tế – xã hội cho địa phương. Mặt khác, những thách thức nảy sinh trong hoạt động sinh kế của họ đã được tác giả nêu ra và phân tích thấu đáo. Đặc biệt, Phạm Thanh Duy đã hoàn thành luận án tại Trường Đại học Hải Dương Tokyo (Nhật Bản) với đề tài *Những vấn đề xã hội - văn hóa và sự phát triển ở một cộng đồng ngư dân miền Nam Việt Nam: Trường hợp tại cộng đồng Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau* (Socio-cultural issue and development in a fishing community of southern Vietnam: A case study of Song Doc community in Tran Van Thoi district, Ca mau province) [5]. Tác giả nhận định Sông Đốc là một cộng đồng ngư dân lớn và thu hút khá nhiều người dân từ nơi khác đến vì có hoạt động kinh tế biển phát triển. Bên cạnh đó, công trình còn cho thấy có nhiều vấn đề xã hội đang trở thành sự quan tâm của cộng đồng, đó là tội phạm, ma túy, đời sống gia đình cũng như việc giáo dục trẻ em... Đó là chưa kể đến sự hủy hoại môi trường biển dẫn đến nguồn cá bị cạn kiệt, sẽ có tác động không nhỏ đến sự phát triển nghề cá tại đây. Cho nên, sự phát triển kinh tế trong thời gian qua vẫn chưa đảm bảo tính ổn định, làm ảnh hưởng không nhỏ đến

đời sống văn hóa – xã hội của người dân địa phương. Luận án này đã góp một cái nhìn về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội cũng như sự phát triển bền vững của cộng đồng này trong thời gian tiếp theo.

Nhìn chung, kết quả một số nghiên cứu về cộng đồng ngư dân giúp chúng ta chú trọng đến các nhân tố môi trường sinh thái, văn hóa – xã hội, nhất là sinh kế tác động đến việc hình thành nên diện mạo, đặc điểm của mỗi cộng đồng. Ngoài ra, các nghiên cứu này cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của nghề đánh bắt hải sản – sinh kế chủ đạo của cộng đồng. Điều này giúp chúng tôi về quan điểm tiếp cận khi tiến hành nghiên cứu, khảo sát cộng đồng ngư dân Sông Đốc. Mặt khác, một số công trình nghiên cứu đã công bố cho thấy cộng đồng ngư dân Sông Đốc cần được nghiên cứu và giới thiệu đầy đủ về diện mạo, góp phần xây dựng nguồn tư liệu về các cộng đồng ngư dân ven biển ở Nam Bộ hiện nay.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình khảo sát, chúng tôi vận dụng các phương pháp nghiên cứu định tính để thu thập dữ liệu. Trước hết, chúng tôi thực hiện điền dã dân tộc học để ghi chép sinh hoạt văn hóa, kinh tế, xã hội của cộng đồng ngư dân Sông Đốc. Những tư liệu này được ghi chép lại để lưu giữ những sự kiện, hiện tượng mà chúng tôi quan sát được và có ý nghĩa khi dùng để miêu thuật những hoạt động kinh tế, xã hội cũng như văn hóa của cộng đồng. Mặt khác, việc quan sát tham dự còn để nhận ra những hiện tượng, đồng thời góp phần kiểm chứng thông tin, tìm hiểu sâu và khơi gợi các vấn đề thảo luận cho các cuộc phỏng vấn người dân. Thực hiện phỏng vấn sâu tại cộng đồng là phương pháp được chúng tôi sử dụng. Trong đó, ưu tiên nhất là việc chọn mẫu theo nhóm đánh bắt trong cộng đồng gồm tài công, ngư phủ, các chủ ghe cùng với những nghề nghiệp liên quan như các chủ đại lí thu mua thủy hải sản, người buôn bán tạp hóa, người làm nghề đóng ghe... để tìm hiểu thông tin về nghề cá địa phương. Những nội dung chính mà chúng tôi đặt ra trong các cuộc phỏng vấn

tập trung về thông tin nghề nghiệp bản thân, các tri thức của họ về cộng đồng, niềm tin lẫn cách thể hiện niềm tin của họ vào thần linh, những rủi ro sinh kế thường xuyên xảy ra... Bên cạnh đó, các ghi chép ở thực địa (field notes) về địa bàn, các loại tôm cá sinh sống, các phương thức đánh bắt thủy hải sản... cung cấp nhiều tư liệu hữu ích cho bài viết. Vì vậy, những ghi chép từ những cuộc thảo luận nhóm thông qua những cuộc trò chuyện phi chính thức ở từng nhóm khác nhau trong cộng đồng (đại diện chính quyền, đại diện các ban khánh tiết, ban trị sự, ban quản trị, hội miếu và có cả đại diện những nghề nghiệp khác nhau...) đã được triển khai và lưu giữ để tham khảo. Cách làm này mang lại nhiều tư liệu sống động về lịch sử, văn hóa, quan hệ xã hội nghề nghiệp, hoạt động sinh kế của cộng đồng.

IV. ĐẶC ĐIỂM CỘNG ĐỒNG NGƯ DÂN THỊ TRẤN SÔNG ĐỐC

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi tập trung giới thiệu cộng đồng ngư dân Sông Đốc trên phương diện môi trường tự nhiên, quá trình hình thành, phát triển cùng đặc điểm dân cư, hoạt động sinh kế cũng như đời sống xã hội.

A. Môi trường tự nhiên

Thị trấn Sông Đốc là một trong 13 đơn vị hành chính thuộc huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Phía Bắc giáp xã Khánh Hải, phía Đông giáp một phần của xã Khánh Hải và Phong Điền, phía Nam giáp với xã Phong Điền, còn toàn bộ phía Tây giáp với vùng biển Tây Nam. Thị trấn Sông Đốc cách thị trấn Trần Văn Thời 17 km, theo hướng Tây Nam, nằm trên trục đường tỉnh 835B.

Thị trấn Sông Đốc được chia thành 13 khóm, từ phía biển Tây trở vào chạy dọc theo sông Ông Đốc, bên trái là khóm 1, khóm 2, khóm 3, khóm 7, riêng khóm 8 nằm bọc phía sau các khóm này. Tiếp đó là khóm 10, khóm 11 và khóm 12. Bên phải là khóm 6B, khóm 6A, khóm 4 và cuối cùng là khóm 5. Các khóm đông dân và có nhà cửa san sát như phổ xá là khóm 1, khóm 2, khóm 3 và khóm

7. Vì thế, đây chính là khu vực trung tâm của thị trấn Sông Đốc hiện nay.

Diện tích tự nhiên của thị trấn gồm 3.394 ha, trong đó sông ngòi chiếm 25% tổng diện tích nơi đây, riêng địa hình thì bằng phẳng. Sông Ông Đốc là con sông chính và duy nhất chảy qua nơi này. Sông có độ dài 40 km, chiều rộng khoảng 1 km. Trước kia sông còn có tên gọi khác là Khoa Giang, vốn bắt nguồn từ ngã ba Cái Tàu, sau đó tiếp nhận nước từ sông Cái Tàu và sông Trem rồi đổ ra biển Tây. Tên gọi sông Ông Đốc gắn liền với sự kiện Đô đốc thủy binh Nguyễn Văn Vàng tình nguyện giả trang thành chúa Nguyễn Ánh để cản trở quân Tây Sơn truy đuổi. Sau cùng, ông bị Tây Sơn giết, xác chìm xuống dưới lòng sông sâu. Nhờ vậy, Nguyễn Ánh được thoát nạn [6, tr. 54]. Về sau, để nhắc nhở sự kiện này, người dân đặt tên con sông này là sông Ông Đốc. Sông chảy qua thị trấn, tách đôi nơi đây thành hai khu vực, một bên là các khóm 1, 2, 3, 7, 8, 10, 11, 12 thuộc bờ Bắc, còn bên kia là khóm 6A, 6B, 4 và 5 thuộc về bờ Nam. Phà là phương tiện chủ yếu để nối hai bờ Bắc và Nam của thị trấn. Từ cửa sông đổ vào là các khóm dân cư, cũng là nơi trú ngụ của ghe tàu mỗi khi về bờ. Đoạn sông chạy ngang thị trấn Sông Đốc có chiều ngang ước chừng 500 m, độ sâu khoảng 4 m. Cửa sông này rộng hơn 1 km nên rất thuận lợi cho ghe tàu ra vào, còn hai bên là hai bãi bồi phù sa do dòng hải lưu từ Vịnh Thái Lan bồi tụ hằng năm. Trên địa bàn thị trấn Sông Đốc, dọc theo con sông này là hệ thống kinh, rạch nối liền với sông Ông Đốc, tạo thành một mạng lưới chằng chịt. Có thể kể đến kinh Ấp Huệ, kinh Xáng, kinh Ranh, kinh Đê, kinh Quản Thép, kinh Mười Thành, kinh Nhu Đáo, kinh Phủ Lý, rạch Vinh, rạch Ruộng, rạch Xẻo Đước, rạch Bàng Ky... Mặt khác, cách cửa sông Đốc độ 17 hải lí là Hòn Chuối, gần đó nữa là Hòn Đá Bạc và Hòn Khoai. Hòn Chuối là nơi trú ngụ của tàu thuyền trong những ngày xuất hiện giông bão ngoài biển Tây. Từ sông Ông Đốc, người dân địa phương có thể đi đến các tỉnh, thành của Đồng bằng sông Cửu Long bằng ba tuyến đường thủy. Đường thủy thứ nhất, từ cửa sông Ông Đốc đi về hướng Đông

khoảng 40 km thì đến Tắc Thủ – Cà Mau, kênh Xáng Phụng Hiệp ra ngã Bảy, Cái Côn (sông Hậu). Đường thủy thứ hai, từ vàm cửa sông Ông Đốc vào 50 km về hướng Đông Bắc sẽ đến Thới Bình – Ba Đình, Xáng Cụt – Vị Thanh và Cần Thơ. Đường thủy thứ ba, từ cửa sông Ông Đốc về hướng Bắc 60 km đến kênh thứ 11 – Tắc Cựu (Kiên Giang), rồi đến các kênh Cái Sắn (An Giang) để đi đến các tỉnh Đồng Tháp, Tiền Giang và Thành phố Hồ Chí Minh... Các đường thủy này đã kết nối thị trấn Sông Đốc với mạng lưới giao thông đường thủy Tây Nam Bộ.

Tọa lạc ở khu vực cửa sông giáp với biển Cả, thị trấn Sông Đốc là nơi chịu ảnh hưởng bởi nguồn nước lợ và nước mặn. Cho nên, đây là nơi sinh trưởng của các loại cây: vẹt, sú, mắm, đước, giá, tràm..., góp phần hữu hiệu trong việc giữ đất, hình thành những bãi bồi ngoài cửa sông. Ngoài ra, thị trấn Sông Đốc còn nhiều loại rau, cỏ mọc ở sát bãi biển, trong những cánh rừng phòng hộ hay bờ vuông các thứ như cỏ vườn trâu, cỏ mực, nhãn lồng, ô rô, cóc kèn, rau muống biển, rau sam biển, rau đắng biển... Bên cạnh đó, nguồn lợi cá tôm nơi này vốn dồi dào, phong phú nhiều chủng loại. Gần và phía trong bờ có các loại như cá đối, cá chim, cá dứa, cá chột, cá út, cá ngát, cá chẻm, cá nâu, tôm, cua, vọp, sò, ốc... Ra đến ngoài biển có cá ngừ, cá chuối, cá chét, cá gộc, cá khoai, cá gúng, cá bớp, cá đuối, cá trích, cá ba thú, cá thu.... Đặc biệt, vùng biển địa phương có nhiều loại mực (mực lá, mực ống, mực nang...) sinh sống và loài tôm tích đông đảo. Nhiều ngư dân tại đây kể lại rằng, khoảng 30 năm về trước, thời điểm từ mùng 10 đến 25 tháng ba âm lịch diễn ra mùa hội cá đường. Loài cá đường xuất hiện thành từng đàn lớn bơi trên biển nên họ tha hồ đánh bắt. Trước năm 1975, ghe tàu Singapore đến đây thu mua bong bóng cá đường về làm nguyên liệu chế biến thực phẩm, nguyên liệu phục vụ phẫu thuật trong y khoa. Hiện tại, cá đường ít hơn lúc trước.

B. Quá trình hình thành, phát triển và đặc điểm dân cư

Đến năm 2015, theo số liệu cung cấp của chính quyền địa phương, dân số của thị trấn Sông Đốc là 37.882 người với 8.136 hộ, gồm cả thường trú và tạm trú. Trên địa bàn thị trấn, đông dân nhất là khóm 4 (1.787 hộ, 7.406 dân) và ít dân nhất là khóm 12 (143 hộ, 613 dân). Thị trấn này là địa bàn sinh sống của các tộc người Khmer, Chăm, Hoa, Tày, Mường... với 195 hộ và 1.017 nhân khẩu. Trong đó, người Hoa là một tộc người sinh sống khá lâu ở đây có 49 hộ, 243 nhân khẩu, phần lớn sinh sống tại khóm 1 [7, tr. 2]. Một đặc điểm nổi bật của dân số thị trấn chính là dân cư sinh sống đến từ nhiều địa phương trong cả nước bằng con đường di dân tự do đến đây lập nghiệp trong nhiều năm gần đây.

Nhìn chung, lịch sử hình thành và phát triển thị trấn Sông Đốc trong khoảng 100 năm trở lại đây. Thập kỷ đầu của thế kỷ XX, nơi đây là một vùng đất hoang vu với rừng rậm phủ kín, nhiều loại thú rừng sinh sống như heo, nai, khỉ, chồn, hổ...; dưới sông, cá sấu tụ tập. Đến đầu thập niên 20 của thế kỷ trước, lớp cư dân đầu tiên đến đây có nguyên quán từ miền Trung. Ông Nguyễn Văn Học đi cùng gia đình trên bảy chiếc ghe bầu từ miền Trung vượt biển, nhưng khi đến đây chỉ còn lại một chiếc. Bên cạnh đó, còn có các gia đình ông Mau, ông Bản, ông Oai... được xem là những chủ nhân đầu tiên của vùng đất này. Ngoài ra, xóm cù lao (nay thuộc khóm 3, thị trấn Sông Đốc) nằm kề sông Ông Đốc là nơi định cư của một nhóm nhỏ khoảng mười ngư dân có quê quán từ huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đi ghe sang đây lập nghiệp bằng nghề chài lưới vào thập niên 30 của thế kỷ XX. Lúc đầu họ phá rừng ở gần cửa sông để sống (nay thuộc khóm 1). Về sau, nơi đây bị sạt lở, nên họ mới chuyển vào bên trong làm nhà, lập xóm. Họ khai phá đất rừng, khai thác nguồn tôm cá địa phương, đồng thời phải đổi diện với thú dữ, muỗi mòng, đĩa vắt... cùng tình trạng giao thông khó khăn cách trở vốn phụ thuộc nhiều vào sông nước, nhất là luôn thiếu thốn nguồn nước phục vụ sinh hoạt hằng ngày. Bên cạnh

đó, trong thời điểm này, nhiều người Hoa từ Sài Gòn, Cà Mau... cũng đến đây lập nghiệp bằng nghề buôn bán, nhất là thiết lập mạng lưới thu mua thủy hải sản địa phương để vận chuyển về Sài Gòn. Người Hoa ở đây gồm nhiều nhóm ngôn ngữ: Quảng Đông, Triều Châu, Hải Nam... nhưng nhiều nhất là nhóm ngôn ngữ Triều Châu. Thập niên 40 – 50 của thế kỷ trước, chợ Sông Đốc nằm cạnh cổng vào Thiên Hậu Cung hiện nay, đồng thời đã có rất nhiều người Hoa sinh sống, buôn bán xung quanh chợ này. Sau năm 1975, khá đông người Hoa ở Sông Đốc chuyển về Thành phố Cà Mau, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống hoặc đi định cư ở nước ngoài. Hoạt động kinh tế của họ kéo dài đến những năm đầu thập kỷ 70 của thế kỷ XX. Những hoạt động này góp phần rất lớn vào sự phồn thịnh kinh tế nơi này: “Cá biển, cá khô, vi cá, bong bóng cá mè, đường, cũng được chở về Sài Gòn hoặc bán tại chỗ cho tàu Tân Gia Ba đậu ở ngoài khơi vàm sông Ông Đốc và rạch Gốc” [6, tr. 110]. Đến năm 1953, toàn Sông Đốc ước tính khoảng 60 hộ dân, hình thành được ba xóm dân cư: xóm ngoài vàm sông làm nghề lưới rừng, xóm giữa (khu vực chợ Lớn) là khu buôn bán với phần đông là người Hoa, xóm trong (khu vực cầu Xẻo Đồi) làm nghề đánh lưới cá gộc. Khu vực Rạch Ruộng (nay thuộc khóm 10) có số dân cư ít ỏi nhất, chỉ bốn hộ dân trồng lúa trên diện tích khoảng 100 công. Hằng năm, họ trồng lúa vào mùa mưa (tháng tư đến tháng chín âm lịch). Tiếp đó, đến thập kỷ 60 và nửa đầu 70 của thế kỷ trước, Sông Đốc trở thành một thị tứ nhỏ của Cà Mau, hoạt động kinh tế chính là khai thác và mua bán thủy hải sản. Sau ngày giải phóng đất nước, cụ thể năm 1978, Nhà nước tổ chức di dân Hà Nam Ninh vào đây làm kinh tế mới và thành lập Nông trường Quốc doanh Sông Đốc. Những người này trồng dưa, trồng cói dẹt chiếu và trồng lát. Đến năm 1995, nông trường này bị giải thể. Phạm vi nông trường nay thuộc các khóm 8, 10, 11 và 12 ngày nay. Từ những năm đầu thập niên 1980 rồi mãi đến những năm gần đây, do trữ lượng tôm cá nhiều và môi trường đánh bắt thuận lợi, nên vùng biển Tây Nam thu hút nhiều ghe tàu của ngư dân các tỉnh, thành miền

Trung và Nam Bộ về đây lưu trú rồi ra khơi khai thác. Hiện tại, thị trấn Sông Đốc là một trong 13 đơn vị hành chính của huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Đây được xem là một thị trấn phát triển, đông đúc và sầm uất của tỉnh Cà Mau do gắn liền với kinh tế biển. Năm 2012, thị trấn Sông Đốc được Bộ Xây dựng công nhận là đô thị loại IV.

C. Đặc điểm sinh kế

Hiện tại, sinh kế của người dân thị trấn Sông Đốc chính là nghề đánh bắt thủy hải sản, đi kèm theo đó là các ngành dịch vụ hậu cần nghề cá. Thời điểm năm 2015, toàn bộ thị trấn có 1.373 ghe tàu. Trong đó, ghe tàu có công suất dưới 20 CV là 156 chiếc, ghe tàu có công suất từ 20 CV-89CV là 156 chiếc và từ 90 CV trở lên là 895 chiếc [7, tr. 4]. Về hình thức đánh bắt, ngư dân Sông Đốc chủ yếu tập trung vào hai hình thức chính là lưới đèn và câu mực. Năm 2014, nghề câu mực có 598 ghe tàu, chiếm 43,55% trong tổng số phương tiện đánh bắt của thị trấn. Bên cạnh đó, đánh bắt lưới đèn gồm nghề lưới vây có 89 ghe tàu (chiếm 6,48%), nghề lưới rê có 272 ghe tàu (chiếm 19,81%), nghề lưới kéo có 210 ghe tàu (chiếm 15,29%). Ngoài ra, ghe tàu đăng kí làm dịch vụ hậu cần nghề cá có 51 chiếc (chiếm 3,71%), còn có thêm 16 chiếc ghe te (chiếm 3,71%), 120 ghe cào hải sâm (chiếm 8,73%) [8, tr. 6]. Sản lượng thủy hải sản đánh bắt được của ngư dân Sông Đốc trong những năm gần đây đều trên 100.000 tấn tôm, cá, mực và các loại mỗi năm. Bên cạnh đó, các ngành sản xuất công nghiệp, thương mại và dịch vụ phát triển mạnh, nhất là nhằm đảm bảo hậu cần và chế biến, tiêu thụ cho nghề đánh bắt thủy hải sản ở địa phương. Năm 2015, thị trấn Sông Đốc có hơn 1.650 cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ với hơn 4.500 lao động tham gia, trong đó đáng lưu ý có hơn 135 công ti, xí nghiệp, doanh nghiệp tư nhân thu mua, chế biến các mặt hàng thủy sản, sản xuất nước đá và các cơ sở hàn tiện nhằm đáp ứng nhu cầu kinh tế của ngư dân địa phương [7, tr. 5]. Cơ sở hạ tầng phục vụ nghề cá được chú trọng trong những năm qua. Đặc biệt, cảng cá Sông Đốc được xây dựng

và hoàn thành năm 2009. Cảng này được thiết kế cầu tàu, luồng ra vào phục vụ cho tàu từ 600 CV trở xuống. Ngoài ra, hiện tại thị trấn còn có ba ụ đóng tàu để trực tiếp đóng những con tàu cho ngư dân ra khơi bám biển dài ngày. Bên cạnh nghề đánh bắt thủy hải sản là chủ đạo, thị trấn Sông Đốc còn phát triển thêm nghề nuôi tôm sú với diện tích 1.840 ha và triển khai trồng lúa một vụ trên diện tích 320 ha tại các khóm 10, 11, 12 [7, tr. 6]. Ngoài Hòn Chuối, người dân còn tổ chức nuôi cá bớp trong lồng bè, sản lượng hằng năm đạt trung bình 90 tấn. Tổ chức xã hội của ngư dân hiện tại là Nghiệp đoàn khai thác thủy sản thị trấn Sông Đốc. Nghiệp đoàn gồm khoảng 200 chủ tàu và 500 nhân công tham gia.

Nghề đánh bắt thủy sản của ngư dân thị trấn Sông Đốc được xem là một nghề truyền thống lâu đời, đồng thời cũng là sinh kế chính của người dân nơi này từ trước đến nay. Buổi đầu đến lập nghiệp, những cư dân đầu tiên của thị trấn Sông Đốc đã tìm cách khai thác nguồn tôm cá dồi dào của địa phương để đảm bảo cuộc sống của họ. Hiện tại, các ngư dân cao tuổi tại đây vẫn nhớ thể hệ cha mẹ họ đến đây chủ yếu là đánh bắt trong và ven bờ qua phương thức: Te (Loại lưới gọng có thể di động lên xuống theo hình tam giác. Te có hai bộ phận chính: lưới và gọng te. Khi đánh bắt, Te hạ lưới xuống, lưới chìm xuống mặt nước, ghe chạy một đoạn thì Te nhấc lên cao để bắt tôm cá dính ở lưới. Vào ban đêm, các ghe thuyền thường dùng Te để bắt các loại tôm di chuyển thành đàn trên mặt nước. Mỗi ghe thuyền cào Te cần phải có vài ba bạn ghe) [4, tr. 566], xiệc và ghe lưới đánh bắt cá (cá phèn, cá gộc, cá đường...). Nhưng phổ biến là lưới rừng, hình thức dùng lưới đánh bắt tôm cá thông thường ở những nơi có mực nước cao từ một đến hai mét và chủ yếu là bắt các loại cá nhỏ như cá phèn, cá tóp râu, cá cơm...; lưới cá gộc (Ở thị trấn Sông Đốc, lưới cá gộc có đặc trưng là sử dụng loại lưới có đường kính dài khoảng một tấc tư cho đến hai tấc để bắt cá gộc. Ghe đánh cá gộc đi đánh bắt độ từ năm, sáu hải lí cách vàm Sông Đốc trở lại. Cá gộc là loài cá biển to, bình quân mỗi con từ bảy đến mười kilogram

và có rất nhiều ở vùng biển địa phương từ thập niên 80 thế kỉ XX trở về trước). Về sau, ngư dân Sông Đốc còn học thêm cách đánh bắt của ngư dân Thái Lan, đó là nò xiêm. Người ta đóng nò xiêm trong bờ hoặc ngoài cửa biển Sông Ông Đốc, nên phân biệt thành nò cạn, nò khơi và chà chim (chà chim là cách đánh bắt gần bờ, chuyên dùng đánh bắt cá chim trắng và chim đen). Nghề nò xiêm làm giàu rất nhanh vì đánh bắt nhiều loại cá ngon, bán được rất nhiều tiền, nếu trúng thì mỗi ngày thu hoạch đến hàng chục tấn cá. Với trữ lượng tôm cá nhiều, người ta còn chế biến thêm khô, nước mắm. Sách Cà Mau xưa giới thiệu những đặc sản của vùng đất Sông Đốc lúc đó là: khô bẹ, khô cá chét, khô gộc và nước mắm [6, tr. 82]. Nhưng với điều kiện đánh bắt còn thô sơ, ghe thuyền còn nhỏ và chủ yếu chạy bằng buồm, hoàn toàn phụ thuộc vào mùa gió hoạt động trên biển, nên ngư dân chỉ khai thác đánh bắt bằng nò xiêm trong phạm vi từ tháng chín cho đến tháng ba âm lịch năm sau. Các ngư dân cao niên cho biết: những tháng này thuộc về mùa gió chướng. Trong thời gian này, thời tiết ở trên biển tốt, yên lặng nên rất thuận lợi cho ngư dân căng buồm ra khỏi cửa sông đánh bắt. Đến thập niên 60 và 70 của thế kỉ trước, một số ghe đánh bắt ở đây đã tự trang bị máy móc, cải tiến lưới nên đã ra khơi xa hơn và đánh bắt tốt hơn: “Đến nay, nhờ Ti Ngư nghiệp trong tỉnh, nên nhiều chủ lưới có chân trong hợp tác xã mua được máy gắn vào ghe lớn và dùng lưới bằng ni lông, xài bển bả hơn lưới đương bằng nhợ, khối phải sắn vỏ dầ (nhuộm) mỗi năm, rất nhẹ nhàng và tiện lợi khi kéo lên ghe” [6, tr. 82]. Đầu những năm 80 của thế kỉ XX, vùng biển Sông Đốc có mặt thêm những ngư dân đến từ các tỉnh miền Trung và một số tỉnh, thành ven biển Nam Bộ đến đánh bắt vì nơi này có nguồn tôm cá dồi dào, thời tiết khá thuận lợi. Vì thế, ngư dân Sông Đốc đã nhanh chóng học được nghề lưới đèn và câu mực từ ngư dân miền Trung. Lúc này, ghe còn nhỏ và máy móc công suất thấp, trang thiết bị thô sơ nên ghe tàu đánh bắt ngoài khơi của ngư dân chỉ hoạt động từ Hòn Chuối trở vào, thường là hai, ba ngày phải trở vào bờ. Ngư dân Sông Đốc vẫn

còn ám ảnh sự kiện cơn bão số 5 đã tàn phá, nhấn chìm nhiều ghe tàu nơi này và đã gây ra thiệt hại nghiêm trọng về người và của. Tại thị trấn Sông Đốc, cơn bão này ập đến ngày 2/11/1997 đã tàn phá nặng nề, trở thành nỗi ám ảnh kinh hoàng cho người dân tại đây cho đến nay. Một đài tưởng niệm đã được dựng lên tại khóm 1 nhằm ghi nhớ lại sự kiện bi thương này. Tấm bia ở đài tưởng niệm cho biết số lượng người bị thương, chết và mất tích được thống kê như sau: số lượng người chết là 128 người, người bị thương có 601 người và vĩnh viễn mất tích gồm 1.164 người. Sau cơn bão, nghề đánh bắt thủy hải sản trên biển được Nhà nước đầu tư trở lại, nhất là chủ trương cho vay đóng tàu lớn ra khơi xa và bám biển dài ngày, nhờ đó mà hoạt động đánh bắt của ngư dân dần được phục hồi, phát triển mạnh mẽ hơn trước. Hiện tại, ghe tàu của ngư dân Sông Đốc có thể vươn đến đảo Thổ Chu (cách bờ khoảng 100 hải lí) và vùng biển giáp ranh với Thái Lan, Malaysia, Indonesia. Nhiều ghe tàu được đóng mới với công suất máy bình quân từ 300 đến 500 CV, lắp đặt trang thiết bị hiện đại (máy bộ đàm, hầm đông lạnh, máy định vị và tầm ngư...). Tuy nhiên, một số ngư dân cho biết thêm: hiện tại, ở thị trấn Sông Đốc, một số người đã đầu tư đóng tàu lớn, có sức chứa 100 tấn cá và công suất máy lên đến 700 CV. Đặc biệt, gần mười năm trở lại đây, do xăng dầu tăng giá liên tục nên các chủ tàu lưới đèn và câu mực đã thay đổi thời gian đánh bắt và thu mua thủy hải sản. Hằng tháng, trước đây, mỗi khi đánh bắt được một mẻ lưới tôm cá lớn, họ cho ghe tàu vào bờ để lấy hàng bán cho các chủ vựa. Để tránh phí tổn, người chủ cho ghe tàu tiếp tục ở hỏ ngoài khơi. Vài ba ngày sẽ có tàu tải đến thu mua lượng thủy hải sản vừa đánh bắt. Khi thu mua xong, tàu này sẽ vận chuyển toàn bộ tôm cá vừa thu mua được vào bờ. Sau đó, chủ tàu và chủ đại lí thu mua thủy hải sản thanh toán tiền với nhau trong bờ.

Đặc biệt, ghe lưới đèn, ghe câu mực của ngư dân Sông Đốc đánh bắt dựa vào lịch âm mà ngư dân địa phương gọi là “con trăng” hằng tháng. Đây cũng là cách tính lịch âm dựa vào thời điểm của trăng, hình dáng của

trăng để dân gian tích lũy kinh nghiệm xem trăng mà xác định chính xác tới từng ngày [9, tr. 154]. Ngày trăng tròn gọi là ngày vọng (ngày rằm), còn ngày không trăng gọi là ngày sóc. Cứ mười ngày đêm là một tuần, ba tuần thành một tháng. Tuần đầu của tháng gọi là thượng tuần, tuần giữa là trung tuần và tuần cuối là hạ tuần. Khoảng mùng mười cho đến ngày hai mươi âm lịch (trung tuần của tháng), toàn bộ ghe lưới, ghe câu mực nằm hẳn trong bờ. Thời điểm trung tuần của tháng là lúc ánh trăng sáng tỏ. Mỗi khi đêm xuống, trăng tỏa ánh sáng xuống mặt nước làm cản trở việc đánh bắt của ngư dân. Còn những ngày khác thuộc về thượng tuần và hạ tuần, ở ngoài khơi, khi đêm xuống, ngư dân trên ghe lưới đèn và câu mực bắt đầu chong đèn, tức bật đèn cao áp phát ra ánh sáng để thu hút các loại cá, tôm, mực quần tụ lại gần ghe rồi hạ dần độ sáng của đèn cho đến tắt hẳn. Lúc này, các ghe lưới đèn, câu mực dùng lưới và câu nhanh chóng tiến hành đánh bắt. Cho nên, vào trung tuần hàng tháng, ghe tàu trở vào neo đậu chật ních hai bên bờ sông Ông Đốc, hoạt động buôn bán của thị trấn nhộn nhịp do ngư phủ vào bờ. Ngoài ra, những ngày này, các chủ ghe mua sắm thực phẩm, đồ dùng để chuẩn bị cho chuyến ra khơi tiếp tục. Còn nhiều ghe cào của ngư dân các tỉnh thành khác đến neo đậu cũng như một số ít của thị trấn Sông Đốc thường xuyên nằm ngoài khơi, mỗi năm chỉ vào bờ từ hai đến ba lần. Cho nên, tàu tải có nhiệm vụ ra khơi tiếp viện lương thực, nhu yếu phẩm cho ghe, sau mới vận chuyển lượng tôm cá đánh bắt được vào bờ tiêu thụ.

D. Đời sống xã hội – văn hóa

Hiện tại, nhiều người dân sinh sống lâu năm tại thị trấn Sông Đốc cho biết: so với trước đây, cùng với sự phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống của họ cũng đã được cải thiện qua việc đầu tư các công trình xã hội nhằm phục vụ cuộc sống người dân như: Phòng khám Đa khoa khu vực Sông Đốc, 13 trường học gồm một trường trung học phổ thông, hai trường trung học cơ sở, bảy trường tiểu học, ba trường mầm non đã đáp ứng nhu

cầu y tế, giáo dục của người dân địa phương. Thị trấn có bốn trạm cung cấp nước sạch và đảm bảo nguồn nước sinh hoạt cho hầu hết người dân. Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc của người dân, nhất là việc kết nối giữa trong bờ và ngoài khơi, dịch vụ bưu chính viễn thông phát triển rất mạnh. Đến năm 2015, thị trấn có hai bưu cục, ba tổng đài với hơn 1.000 thuê bao cố định, 7.500 thuê bao di động và 1.800 hộ sử dụng dịch vụ Internet [7, tr. 9]. Mặt khác, để đáp ứng nhu cầu mua sắm của người dân, địa bàn thị trấn Sông Đốc hình thành bảy điểm chợ buôn bán khá đầy đủ các mặt hàng gia dụng, lương thực thực phẩm: chợ Nhỏ (khóm 7), chợ Giữa (khóm 3), chợ Huế (khóm 2 và 8), chợ Lớn (khóm 1), chợ Xẻo Quao (khóm 6A), chợ Rạch Thầy Tư (khóm 4), chợ Miếu (khóm 4), chợ Tạm (khóm 7).

Người dân thị trấn Sông Đốc theo các tôn giáo: Phật giáo, Cao Đài và Công giáo. Địa bàn thị trấn có hai cơ sở tôn giáo: Nhà thờ Sông Đốc, Thánh thất Cao Đài (Tòa thánh Tây Ninh). Hai cơ sở này được xây cất trước năm 1975 và là nơi sinh hoạt thường xuyên của các tín đồ. Với những tín đồ Phật giáo ở thị trấn này, một số đến chùa Niệm Phật Đường ở xã Phong Điền kế bên để sinh hoạt tôn giáo và một số khác là phật tử ở các chùa trên địa bàn huyện Trần Văn Thời và Cà Mau. Hưng Hải Tự là cơ sở của Tịnh độ Cư sĩ Phật hội cũng hoạt động tại đây từ năm 1960 đến nay. Mặt khác, Sông Đốc là nơi có hoạt động tín ngưỡng phong phú và hiện có một Lăng Ông, một miếu thờ Thiên Hậu, một miếu thờ Quan Âm, hai miếu thờ Bà Chúa Xứ, một miếu thờ Bà Thủy (trong khuôn viên Lăng Ông Sông Đốc).

V. NHỮNG THÁCH THỨC CHO CỘNG ĐỒNG NGƯỜI DÂN SÔNG ĐỐC TRONG ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Ngày nay, nhiều vấn đề cộng đồng cần được quan tâm và đánh giá để đề ra những giải pháp hữu hiệu cho sự phát triển bền vững đời sống kinh tế, xã hội thị trấn Sông Đốc. Đầu tiên, ngư dân đánh bắt trên biển trực tiếp đối diện sóng to gió lớn, mưa giông thành linh

nổi lên, nguy hiểm nhất là những cơn bão ập đến trong lúc ghe tàu còn nằm ngoài khơi xa, chưa kịp tìm nơi trú ẩn. Hoạt động đánh bắt ngoài khơi hiện tại, tuy ghe được trang bị các phương tiện hiện đại tốt hơn trước, nhưng vẫn còn phụ thuộc ít nhiều vào sự bất thường của môi trường tự nhiên. Nhiều năm gần đây, sản lượng đánh bắt có chiều hướng giảm bởi nguồn thủy hải sản trên biển ngày càng ít hơn trước góp phần gia tăng thêm áp lực cho ngư dân. Tại thị trấn Sông Đốc, việc khai thác tôm cá ven bờ, nhất là các loại cá nhỏ, vẫn tiếp diễn, mặc dù đã được chính quyền thông báo, nghiêm cấm trong nhiều năm qua. Nhiều người dân than phiền do thiếu ý thức nên một số ghe nhỏ dùng xuyên điện để đánh bắt hoặc hình thức cào cạn nhằm vớt tất cả loại tôm cá nhỏ. Ngư dân ở Sông Đốc đang lo ngại cho loài hải sâm, tôm cá nhỏ ở địa phương đang mất dần bởi kiểu đánh bắt tận diệt này. Ngoài ra, ngày càng nhiều ghe của các tỉnh, thành đến biển Tây Nam khai thác là nguyên nhân dẫn đến nguy cơ cạn kiệt dần nguồn thủy hải sản vốn rất phong phú, dồi dào trước đây. Mặt khác, hầu hết các ghe tàu xa bờ đều sử dụng máy định vị giúp dễ dàng dò tìm được đàn cá đang di chuyển dưới biển, nhưng điều này dẫn đến việc ghe sẽ bủa lưới bắt trọn hết đàn cá, kể cả các loại cá nhỏ, khiến chúng không còn cơ hội tái sinh. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến ngư dân lo ngại sản lượng nguồn cá nước mặn ngày một ít hơn trước, đồng thời còn dẫn đến tình trạng lỗ lã của nhiều ghe tàu xa bờ trong những năm gần đây. Mở rộng hơn nữa, vấn đề này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tính bền vững của nghề khai thác thủy hải sản ở Sông Đốc trước mắt cũng như lâu dài.

Tiếp theo, các chủ ghe rất lo lắng mỗi khi ghe ra khơi gặp những rủi ro: sản lượng khai thác ít dẫn đến lỗ lã khiến chủ ghe phải bán đi chiếc ghe, tình trạng ghe bị các nước xung quanh tịch thu vì tài công lái ghe sang hải phận nước ngoài đánh bắt. Do khan hiếm nguồn tôm cá cùng với sự thiếu ý thức và hiểu biết về pháp luật, hoặc chưa rõ vùng biển chồng lấn do chưa phân định lãnh hải rõ ràng mà một số tài công đã cho ghe vượt qua

hải phận của các nước Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Campuchia để đánh bắt. Khi bị phát hiện, hậu quả là việc bị tịch thu toàn bộ phương tiện, tài công và ngư phủ bị phạt tù. Điều này đồng nghĩa với việc chủ ghe sẽ mất đi chiếc ghe – phương tiện kiếm sống của họ. Nặng nề nhất có nhiều ghe bị bán chìm ở hải phận nước ngoài trong những năm qua. Vì thế, nhiều người phải cầm cố nhà cửa, vay mượn để trả số tiền đã vay ngân hàng đóng ghe hoặc chuyển sang nghề khác. Đây là một thực trạng báo động đối với ngư dân đang đánh bắt không chỉ ở thị trấn Sông Đốc mà còn nhiều tỉnh, thành ven biển Nam Bộ khác. Trong vài năm gần đây, một vấn đề nổi cộm là không đủ số lượng ngư phủ đi theo ghe mỗi khi ra khơi, nhất là những người có kinh nghiệm, tận tâm trong công việc. Điều này đã và đang làm cho các chủ ghe quan tâm, lo lắng. Trung bình mỗi chuyến, đối với ghe lưới, ghe câu, cần từ sáu đến tám ngư phủ. Ở Sông Đốc, việc tuyển ngư phủ đến từ nhiều tỉnh, thành trong cả nước nên nhóm này có đặc điểm rất phức tạp, khó quản lý với nhiều thành phần khác nhau, bao gồm cả những người có tiền án tiền sự từ nơi khác đến. Mặc dù đã hứa hẹn và nhận lời, nhất là được ứng tiền trước, nhưng một số chủ ghe cho biết nhiều bạn ghe làm khó dễ, dùng dằng không muốn đi vào đúng lúc ghe chuẩn bị nổ máy ra khơi. Để có tài công và ngư phủ theo ghe, các chủ ghe phải ứng trước tiền cho họ. Nhiều người than phiền rằng: nếu đầu tư đóng một chiếc ghe dễ dàng thì ngược lại rất khó khăn để tìm một nhóm ngư phủ toàn tâm toàn ý với công việc trên ghe lẫn trách nhiệm với người chủ.

VI. KẾT LUẬN

Cộng đồng ngư dân thị trấn Sông Đốc gắn liền với nghề đánh bắt thủy hải sản trước nay, hiện tại trở thành một thị trấn ven biển đông dân và tập trung đông đúc số lượng ghe tàu đánh bắt, các ngành nghề dịch vụ hậu cần nghề cá được gia tăng ngày một quy mô lớn. Ngư dân thị trấn sông Đốc đã không ngừng sáng tạo và biết học hỏi các phương thức đánh bắt thủy hải sản hiệu quả để phát triển

nghe nghiệp của họ, đáp ứng nhu cầu cuộc sống. Trong tương lai, tỉnh Cà Mau đang có kế hoạch nâng cấp Sông Đốc từ thị trấn trở thành thị xã ven biển của tỉnh này.

Bên cạnh đó, nghề đánh bắt thủy hải sản chính là sinh kế của cộng đồng với quá trình phát triển, mở rộng phạm vi đánh bắt từ trong bờ, ven bờ, cho đến nay là xa bờ. Nghề này đóng góp rất lớn vào sự phát triển kinh tế – xã hội địa phương hiện tại. Bên cạnh đó, với đặc điểm là cộng đồng đa nghề nghiệp, cộng đồng ngư dân thị trấn Sông Đốc còn có nhiều nghề khác như nghề nuôi trồng thủy hải sản, nghề trồng lúa, nghề làm muối và nghề kinh doanh... nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương cũng như sự phát triển toàn diện của kinh tế – xã hội. Vì vậy, mô hình cơ cấu kinh tế của thị trấn Sông Đốc là ngư – thương – nông kết hợp.

Giống với nhiều cộng đồng ngư dân khác ở vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long, cộng đồng ngư dân thị trấn Sông Đốc thuộc loại hình ngư dân bãi dọc. Ngư dân cư trú, neo đậu ghe tàu bên trong bờ và tiến ra khơi xa đánh bắt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Thị Kim Thoa, Ngô Hoàng Đại Long, Đoàn Minh Chí. Nhận diện và phát huy các giá trị tài nguyên biển đảo phục vụ phát triển bền vững vùng Nam Bộ. Trong: Trần Nam Tiến, Phạm Ngọc Trâm (chủ biên). *Tài nguyên vị thế vùng biển đảo Tây Nam Bộ: tiềm năng và triển vọng*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; 2014.
- [2] Nguyễn Duy Thiệu. *Cộng đồng ngư dân ở Việt Nam*. Hà Nội: Khoa học Xã hội; 2002.
- [3] Trần Hồng Liên (chủ biên). *Cộng đồng ngư dân Việt ở Nam Bộ*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 2004.
- [4] Phan Thị Yên Tuyết. *Đời sống xã hội - kinh tế - văn hóa của ngư dân và cư dân vùng biển Nam Bộ*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; 2014.
- [5] Phạm Thanh Duy. *Những vấn đề xã hội văn hóa và sự phát triển ở một cộng đồng ngư dân miền Nam Việt Nam: Trường hợp tại cộng đồng Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (Socio-cultural issue and development in a fishing community of southern Vietnam: A case study of Song Doc community in Tran Van Thoi district, Ca mau province)* [Luận án Tiến sĩ]. Trường Đại học Hải Dương Tokyo (Nhật Bản); 2013.
- [6] Nghệ Văn Lương, Huỳnh Minh. *Cà Mau xưa*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Thanh Niên; 2003.

- [7] Ủy ban Nhân dân Thị trấn Sông Đốc. *Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân thị trấn về nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2015 và phương hướng nhiệm vụ 2016*; 2015.
- [8] Ủy ban Nhân dân Thị trấn Sông Đốc. *Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân thị trấn về nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ 2015*; 2014.
- [9] Trần Ngọc Thêm. *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*; 2001.